

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1546/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể
phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2020
và định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009;

Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 03/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược, quy hoạch phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1327/QĐ-TTg ngày 24/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Bắc Nghệ đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025;

Quyết định số 114/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 18/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về

việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ ven biển Việt Nam;

Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông;

Quyết định số 970/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2009 của Bộ GTVT về việc công bố đường thủy nội địa quốc gia;

Quyết định số 1401/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2010 của Bộ GTVT về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cảng biển Nghi Sơn - Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 06/3/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới bến xe ô tô khách tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 250/TTr-SGTVT ngày 04/3/2011 về việc trình phê duyệt Đề cương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi nghiên cứu và quy mô:

Nghiên cứu hệ thống giao thông vận tải trên toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Thanh Hóa. Lập báo cáo tổng hợp và bản đồ giao thông vận tải toàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 gắn với Quy hoạch ngành GTVT và của tỉnh.

2. Nội dung Đề cương khảo sát, lập quy hoạch điều chỉnh bổ sung.

2.1. Điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội và giao thông vận tải giai đoạn 2000 - 2010:

- Điều tra, thu thập, hiện trạng KT-XH, ngành GTVT;
- Khảo sát thực địa, làm việc với các Sở, ban, ngành địa phương;
- Khảo sát điều tra lưu lượng giao thông;
- Bổ sung, phân tích đánh giá hiện trạng mạng lưới giao thông và phương tiện vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển, đường sông, hệ thống bến xe, cảng sông, cảng biển, bến bãi, kho tàng, phương tiện vận tải và tình trạng an toàn giao thông;
- Đánh giá tình hình, kết quả và những thành tựu đạt được về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh và GTVT đến năm 2010 để quy hoạch phát triển GTVT đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2.2. Quy hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và dự báo nhu cầu vận tải:

- Quan điểm, mục tiêu, khó khăn thuận lợi trong quá trình thực hiện mục tiêu. Định hướng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu nhằm xác định vai trò của mạng lưới GTVT trong định hướng phát triển;
- Dự báo nhu cầu Vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển, đường sông, hệ thống bến xe, cảng sông, cảng biển, Khu kinh tế Nghi Sơn và các cửa khẩu đã được quy hoạch;
- Dự báo sự liên kết giữa giao thông địa phương với hệ thống giao thông quốc gia.

2.3. Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2030:

- Quan điểm và mục tiêu phát triển GTVT đến năm 2020;
- Quy hoạch mạng lưới đường bộ gồm: Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện, đường chuyên dùng và các đường khác (kể cả các tuyến hiện tại và tuyến quy hoạch mới), các nút giao thông khác mức, các bến bãi xe khách, xe buýt...
- Quy hoạch mạng lưới đường sông, các cảng sông, bến bãi xếp dỡ...
- Quy hoạch hệ thống đường biển, các cảng biển, bến bãi xếp dỡ...
- Quy hoạch hệ thống đường sắt (bao gồm các tuyến hiện có và các tuyến quy hoạch mới), đường sắt cao tốc Bắc Nam và hệ thống các nhà ga;

- Quy hoạch đường không (các cảng hàng không, các tuyến bay);
- Quy hoạch phát triển công nghiệp giao thông: Cơ sở đóng mới ô tô tàu thủy...
- Lựa chọn công trình ưu tiên;
- Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (tổng mức đầu tư): đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường biển, đường hàng không (danh mục vốn, lộ trình).

2.4. Các giải pháp tổ chức và thực hiện quy hoạch:

- Luận chứng các phương án phát triển;
- Xây dựng các phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực;
- Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ;
- Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường;
- Xây dựng các phương án, tính toán các nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư;
- Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm;
- Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ;
- Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách, đề xuất các phương án thực hiện.

2.5. Xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo liên quan và xây dựng bản đồ quy hoạch:

Xây dựng các bản đồ và báo cáo quy hoạch.

2.6. Nhiệm vụ, khối lượng thực hiện: (Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sở Giao thông Vận tải là chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ được duyệt; phối hợp với các ngành, các địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện theo quy định.

Sở Tài chính căn cứ Đề cương nhiệm vụ lập quy hoạch điều chỉnh bổ sung được duyệt, thẩm định dự toán trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND các huyện, các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hối

Phụ lục:

**KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT, LẬP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH
TỔNG THỂ PT GTVT TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo QĐ số 1546/QĐ-UBND ngày 18/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	2	3	4
A	CHUYÊN GIA KHẢO SÁT, LẬP ĐIỀU CHỈNH QH		
1	Công tác điều tra, khảo sát, thu thập các số liệu phục vụ lập QH		
-	Điều tra hiện trạng mạng lưới giao thông, tình hình QHGT và các QH khác đã có của 11 huyện miền núi: 5 người x 3 ngày/huyện x 11 huyện	Công	165
-	Ca xe đi lại: 3 ca/huyện x 11 huyện	Ca xe	33
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 2 đêm/huyện x 11 huyện	Đêm	110
2	Điều tra 16 huyện, thị xã vùng đồng bằng, thành phố		
-	Điều tra hiện trạng mạng lưới giao thông, tình hình QHGT và các QH khác đã có của 16 huyện, thị đồng bằng và thành phố: 5 người x 2 ngày/huyện, thị, thành phố x 16 huyện, thị, thành phố	Công	160
-	Ca xe đi lại: 2 ca/huyện, thị, thành phố x 16 huyện, thị, thành phố	Ca xe	32
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 1 đêm/huyện, thị, thành phố x 16 huyện, thị, thành phố	Đêm	80
3	Điều tra ngập lụt của các tuyến đường		
-	Điều tra tình hình ngập lụt của các tuyến đường vùng ngập lụt (Tĩnh Gia, Nông Cống, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Thạch Thành, Yên Định): 5 người x 10 ngày	Công	50
-	Ca xe đi lại: 1 ca/ngày x 10 ngày	Ca xe	10
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 9 đêm	Đêm	45
4	Điều tra hiện trạng bến xe, các điểm dừng, đỗ đón trả khách, nhu cầu vận chuyển & đi lại thực tế		
-	Điều tra hiện trạng bến xe, các điểm dừng, đỗ đón trả khách, nhu cầu vận chuyển & đi lại thực tế (19 bến + 33 vị trí dừng, đỗ): 5 người x 5 ngày	Công	25
-	Ca xe đi lại: 1 ca/ngày x 5 ngày	Ca xe	5
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 4 đêm	Đêm	20
5	Điều tra hệ thống đường giao thông kết hợp đê		
-	Điều tra hệ thống đường giao thông kết hợp đê (kết hợp làm việc với Sở NN&PTNT, Chi cục Đê điều): 5 người x 5 ngày	Công	25
-	Ca xe đi lại: 1 ca/ngày x 5 ngày	Ca xe	5
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 4 đêm	Đêm	20
6	Điều tra hệ thống đường tuần tra biên giới		

1	2	3	4
-	Điều tra hệ thống đường tuần tra biên giới (kết hợp làm việc với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng): 5 người x 5 ngày	Công	25
-	Ca xe đi lại: 1 ca/ngày x 5 ngày	Ca xe	5
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 4 đêm	Đêm	20
7	Điều tra hiện trạng hệ thống đường sắt		
-	Điều tra hiện trạng hệ thống đường sắt qua địa bàn và quy hoạch dự kiến (kết hợp làm việc với ngành đường sắt): 5 người x 3 ngày	Công	15
-	Ca xe đi lại: 1 ca/ngày x 3 ngày	Ca xe	3
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 2 đêm	Đêm	10
8	Điều tra hệ thống đường sông trung ương và địa phương (tình hình thực tế và các QH có liên quan): 5 người x 3 ngày	Công	15
9	Điều tra hiện trạng các cảng biển, cảng sông (2 cảng biển & 104 bến sông): 5 người x 5 ngày	Công	25
10	Điều tra hiện trạng các phương tiện vận tải và xếp dỡ hàng hóa (vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, hệ thống các tuyến xe buýt, vận tải đường thủy, khối lượng vận tải, xếp dỡ): 5 người x 10 ngày	Công	50
11	Điều tra hiện trạng tình hình trật tự, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt): 5 người x 3 ngày	Công	15
12	Điều tra hiện trạng công nghiệp GTVT (đóng mới, sửa chữa): 5 người x 3 ngày	Công	15
13	Điều tra để lập QH phát triển một số tuyến mới (10 tuyến, dự kiến dài 424.74km):		
-	Đi thị sát hiện trường (xác định các điểm khống chế, các điểm giao cắt, vượt sông...): 5 người x 2 ngày/tuyến x 10 tuyến	Công	100
-	Làm việc với các địa phương có tuyến dự kiến đi qua: 5 người x 2 ngày/tuyến x 10 tuyến	Công	100
-	Điều tra các quy hoạch vùng tuyến đi qua: 5 người x 3 ngày	Công	15
-	Ca xe đi thị sát hiện trường: 2 ca/tuyến x 10 tuyến	Ca xe	50
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 1 đêm/tuyến x 10 tuyến	Đêm	50
-	Làm việc với các xã tuyến đi qua: 2 ca/tuyến x 10 tuyến	Ca xe	20
-	Phí ngủ trọ: 5 người x 1 đêm/tuyến x 10 tuyến	Đêm	50
14	Điều tra tình hình KTXH và mạng lưới giao thông vận tải của các tỉnh lân cận: 5 tỉnh x 5 người x 3 ngày/1 tỉnh	Công	30
15	Điều tra tình hình KT-XH và mạng lưới giao thông vận tải của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước:	Công	30
16	Khảo sát lưu lượng giao thông trên 3 tuyến tỉnh lộ dự kiến nâng lên quốc lộ: 3 tuyến x 2 trạm/tuyến	trạm	6
B	CÔNG TÁC KHÁC		
I	Mua bản đồ, tài liệu		

1	2	3	4
1	Mua bản đồ tỷ lệ 1/100.000 (14 tờ x 3 bộ)	mảnh	42
2	Mua bản đồ tỷ lệ 1/50.000	mảnh	31
3	Mua bản đồ số hóa tỷ lệ 1/50.000	bộ	1
4	Mua bản đồ số hóa tỷ lệ 1/100.000	bộ	1
5	Mua niên giám thống kê của các tỉnh trong khu vực nghiên cứu (5 tỉnh, từ năm 2005 đến năm 2009)	cuốn	25
II	In ấn, photo copy tài liệu		
1	Photo copy tài liệu		
	Khổ A0	Tờ	20
	Khổ A2	Tờ	40
	Khổ A3	Tờ	100
	Khổ A4	Tờ	2000
2	In mẫu hồ sơ		
	Khổ A0	Tờ	40
	Khổ A2	Tờ	60
	Khổ A3	Tờ	50
	Khổ A4	Tờ	100
C	CÔNG TÁC HỘI NGHỊ BÁO CÁO QUY HOẠCH VÀ ĐỌC TÀI LIỆU		
1	Chi phí hội nghị báo cáo QH với đại diện chủ đầu tư (BQL): 4 người	Lần	3
2	Chi phí hội nghị báo cáo QH với Chủ đầu tư (lãnh đạo Sở, các phòng trong Sở, các ban QLGT): 20 người	Lần	4
3	Chi phí hội nghị báo cáo QH với UBND tỉnh (trực Ủy ban và các Sở, ban, ngành): 35 người	Lần	4
4	Chi phí H. nghị báo cáo QH với ban Thường vụ Tỉnh ủy (mở rộng): 16 người	Lần	2
5	Chi phí hội nghị báo cáo QH với Bộ chuyên ngành: 10 người/01 bộ x 2 lần x 01 bộ	Lần	2
6	Chi phí hội nghị báo cáo QH cho chuyên gia phản biện: (3 tổ chức x 3 người/tổ chức + 3 cá nhân) x 2 lần	Lần	2
7	Chi phí đọc tài liệu cho các Sở, ban, ngành	TB	13
D	IN BẢN ĐỒ VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO SAU KHI QH ĐƯỢC DUYỆT (GỬI CHỦ ĐẦU TƯ)		
1	Bản đồ điều chỉnh bổ sung QH MLGTVT tỉnh TH (khổ: 4 x A0, dán bóng kính, đóng khung)	Cái	6
2	Bản đồ điều chỉnh bổ sung QH MLGTVT tỉnh Thanh Hóa (khổ: 4 x A0, dán bóng kính)	Cái	6
3	Bản đồ hiện trạng MLGT tỉnh Thanh Hóa (khổ 4 x A0, dán bóng kính)	Cái	6